

III. Lĩnh vực nuôi con nuôi

1. Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước

Trình tự thực hiện

- Trường hợp công dân Việt Nam có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định của Luật Nuôi con nuôi nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi thì đăng ký nhu cầu nhận con nuôi với Sở Tư pháp nơi người đó thường trú.

- Người nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

+) Đối với trường hợp trẻ em mồ côi không có người nuôi dưỡng hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi: nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được nhận làm con nuôi thường trú;

+) Đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi: nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi;

+) Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa chuyển vào cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi: nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản xác nhận tình trạng trẻ em bị bỏ rơi;

+) Đối với trường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi: nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng. Nếu hồ sơ của trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được giới thiệu làm con nuôi đã gửi Sở Tư pháp thì Sở Tư pháp giới thiệu người đã đăng ký nhu cầu đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đóng trụ sở cơ sở nuôi dưỡng để xem xét, giải quyết.

- Công chức tư pháp – hộ tịch kiểm tra hồ sơ; Khi kiểm tra hồ sơ, công chức tư pháp hộ tịch phải nghiên cứu, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và hoàn cảnh của những người liên quan. Trường hợp người được nhận làm con nuôi có cha mẹ đẻ, thì công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra việc cha mẹ đẻ có thỏa thuận với cha mẹ nuôi để giữ lại quyền, nghĩa vụ đối với con và cách thức thực hiện quyền, nghĩa vụ đó sau khi đã cho làm con nuôi.

- Công chức tư pháp – hộ tịch lấy ý kiến của những người liên quan; Khi lấy ý kiến của những người liên quan, công chức tư pháp hộ tịch phải:

i) Tư vấn để trẻ em tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của gia đình;

ii) Tư vấn đầy đủ cho cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ về mục đích nuôi con nuôi; quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi; về việc cha mẹ đẻ sẽ không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi nếu cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi không có thỏa thuận khác;

iii) Giải thích cho những người liên quan về quyền thay đổi ý kiến đồng ý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý. Hết thời hạn này, những người liên quan không được thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi;

- Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký nuôi con nuôi, trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước cho cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng, tổ chức giao nhận con nuôi và ghi vào Sổ đăng ký việc nuôi con nuôi;

- Trường hợp từ chối đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản cho người nhận con nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng.

Cách thức thực hiện:

Hình thức nộp	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Mô tả
Trực tiếp	30 Ngày	Lệ phí : 400.000 Đồng (Mức thu lệ phí: 400.000đ/trường hợp. Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dưỡng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.)	Trong thời hạn 30 ngày, trong đó: - Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến; - Thời gian cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước, Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.

Thành phần hồ sơ:

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng
- Giấy khai sinh;		Bản chính: 0 Bản sao: 1
- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;		Bản chính: 1 Bản sao: 0
- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;		Bản chính: 1 Bản sao: 0
- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc		Bản chính: 1

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng
Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;		Bản sao: 0
- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.		Bản chính: 1 Bản sao: 0
Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi	3. Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, chỗ ở, điều kiện kinh tế.doc	Bản chính: 1 Bản sao: 1
Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.		Bản chính: 0 Bản sao: 0
- Khi người nhận con nuôi đề nghị UBND cấp xã cấp Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế;		Bản chính: 0 Bản sao: 0
- Khi nộp hồ sơ tại UBND cấp xã, cần chứng minh nơi người được nhận làm con nuôi thường trú trong trường hợp trẻ em mồ côi không có người nuôi dưỡng hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi;		Bản chính: 0 Bản sao: 0

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng
- Khi nộp hồ sơ tại UBND cấp xã, cần chứng minh nơi cư trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi trong trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi.		Bản chính: 0 Bản sao: 0
- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;		Bản chính: 2 Bản sao: 1
- Phiếu lý lịch tư pháp;		Bản chính: 1 Bản sao: 0
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:		Bản chính: 0 Bản sao: 0
+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.		Bản chính: 0 Bản sao: 1
+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.		Bản chính: 0 Bản sao: 1
- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (trừ trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi);		Bản chính: 1 Bản sao: 0
- Trường hợp người nhận con nuôi có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi:		Bản chính: 0 Bản sao: 0
Trường hợp phải chứng minh nơi cư trú của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.		Bản chính: 0 Bản sao: 0
Đơn xin nhận con nuôi trong nước (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp)	2.Đơn xin con nuôi trong	Bản chính: 1 Bản sao: 0

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng
	nước.doc	
Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi	Đơn đăng ký nhu cầu nhận làm con nuôi.docx	Bản chính: 1 Bản sao: 1

Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cơ quan có thẩm quyền: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã

Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước

Căn cứ pháp lý

- Luật Nuôi con nuôi;

- Luật Hộ tịch

- Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi

+ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;

- Nghị định 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi

+ Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

+ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

+ Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;

- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.

+ Thông tư 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

+ Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

+ Thông tư 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

+ Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.

+ Quyết định số 2687/QĐ-BTP ngày 09/11/2023 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

Người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;
- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;

- Có tư cách đạo đức tốt.

Các trường hợp không được nhận con nuôi:

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;

- Đang chấp hành hình phạt tù;

- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em. Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ các điều kiện sau:

+ Là trẻ em dưới 16 tuổi; nếu trẻ em thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi thì đến dưới 18 tuổi;

+) Trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa;

+) Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN XÁC NHẬN HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH, TÌNH TRẠNG CHỖ Ở,
 ĐIỀU KIỆN KINH TẾ CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân ³		
Nơi cư trú		

II. HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

1. Tình trạng hôn nhân, gia đình

☐ Chưa kết hôn ☐ Kết hôn ☐ Ly hôn ☐ Chồng/vợ đã chết

☐ Chưa có con đẻ

☐ Đã có con đẻ ☐ Đã có con nuôi

Nêu rõ số lượng con:

Thành viên khác sống cùng:

- Nêu số thành viên sống cùng với người nhận con nuôi:

- Nêu rõ mối quan hệ gia đình với người nhận con nuôi:

- Ý kiến, thái độ của thành viên trong gia đình đối với việc nhận con nuôi:

☐ Đã được thông báo về việc nhận con nuôi

☐ Chưa biết về việc nhận con nuôi

☐ Ủng hộ việc nhận con nuôi ☐ Không ủng hộ việc nhận con nuôi

☐ Ý kiến khác:

III. TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ

1. Nhà ở

Diện tích:.....

☐ Nhà thuộc sở hữu ☐ Nhà thuê ☐ Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

☐ Có

☐ Không

2. Nghề nghiệp, thu nhập

- Nghề nghiệp (nêu rõ làm nghề gì):

- Thu nhập:

☐ Tiền lương tháng (nêu số tiền:.....)

☐ Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....)

³ Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

☐ Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:.....)

☐ Các nguồn thu nhập khác.....(tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền...)

3. Các tài sản khác (nếu có, ghi cụ thể):

Điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con nuôi: ☐ Có ☐ Không

Làm tại....., ngày..... tháng.....năm.....

Người nhận con nuôi

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

IV. PHẦN Ý KIẾN, ĐÁNH GIÁ

1. Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi⁴:

.....
.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

2. Đánh giá về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi⁵

.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi người nhận con nuôi cư trú⁶

Xác nhận chữ ký bên là của Ông/Bà là người đã tiến hành xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.

....., ngày..... tháng.....năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)

Họ và tên

Người đánh giá
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

⁴ Không áp dụng cho việc đăng ký nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

⁵ Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú thực hiện việc đánh giá. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì viên chức lãnh sự/ngoại giao thực hiện việc đánh giá

⁶ Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện ở trong nước thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú xác nhận. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xác nhận.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Ông),
kích cỡ 4x6 cm

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Bà),
kích cỡ 4x6 cm

Kính gửi:.....⁷

1. Phần khai về người nhận con nuôi

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân ⁸		
Nơi cư trú		
Điện thoại/Thư điện tử		

2. Phần khai về người được nhận làm con nuôi

Họ, chữ đệm, tên:Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:.....

Nơi sinh:

Nơi cư trú:.....

.....

Thuộc đối tượng⁹:.....

☒ Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

⁷ Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã, thì ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, ghi Cơ quan đại diện Việt Nam nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi thường trú. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi, ghi Bộ Tư pháp.

⁸ Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

⁹ Ghi rõ đối tượng: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột.

Nơi cư trú:.....

Điện thoại/Thư điện tử:

☐ Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng:

.....

3. Cam đoan

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chúng tôi/tôi cư trú¹⁰.

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Làm tại, ngày..... tháng năm.....

ÔNG

BÀ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

¹⁰ Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, người không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHU CẦU NHẬN TRẺ EM LÀM CON NUÔI

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố¹¹.....**I. Thông tin cơ bản về người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi**

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân ¹²		
Nơi cư trú		
Điện thoại/Thư điện tử		

II. Hoàn cảnh bản thân, gia đình, chỗ ở và điều kiện kinh tế của người đăng ký nhu cầu**1. Tình trạng hôn nhân và gia đình**
☐ Chưa kết hôn ☐ Kết hôn ☐ Ly hôn ☐ Chồng/vợ đã chết
☐ Chưa có con đẻ
☐ Đã có con đẻ ☐ Đã có con nuôi

Nêu rõ số lượng con:

Độ tuổi của con lớn nhất:.....Độ tuổi của con nhỏ nhất:.....

2. Tiền án, tiền sự☐ Không☐ Có (Ghi rõ đã bị kết án về tội gì.....)**3. Tình trạng chỗ ở**

Diện tích:

¹¹ Ghi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký thường trú.¹² Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

☐ Nhà thuộc sở hữu ☐ Nhà thuê ☐ Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

☐ Có

☐ Không

4. Nghề nghiệp, thu nhập

- Nghề nghiệp (nêu rõ làm nghề gì):.....

- Thu nhập:

☐ Tiền lương tháng (nêu số tiền:.....)

☐ Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....)

☐ Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:.....)

☐ Các nguồn thu nhập khác.....(tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền...)

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và việc nhận con nuôi không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 13 của Luật Nuôi con nuôi. Nếu được giới thiệu trẻ em cần được nhận làm con nuôi, chúng tôi/tôi sẽ thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Đề nghị Sở Tư pháp xem xét, giải quyết./.

Làm tại....., ngàytháng năm.....

ÔNG

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

BÀ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. Xác nhận của Sở Tư pháp

Sở Tư pháp.....¹³xác nhận đã tiếp nhận Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi của Ông/Bà.....¹⁴

....., ngàytháng năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)

Họ và tên

¹³ Ghi rõ tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

¹⁴ Sở Tư pháp gửi bản chụp Đơn đã được xác nhận cho người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi.